

Bản án số: **41/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 15/7/2026
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tư Duy**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Trung Tính**; bà **Bùi Thị Quỳnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Ph

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Ph tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2026/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị V**, sinh năm 1986; HKTT: xóm M (Nay là: thôn M), xã D, tỉnh Ph. Số CCCD: 017186011871 (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Bùi Danh L**, sinh năm 1986; HKTT: xóm M (Nay là: thôn M), xã D, tỉnh Ph; Hiện đang cư trú tại Đài Loan. Số CCCD: 017086008745 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Bùi Danh L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh H (nay là: xã D, tỉnh Ph) vào ngày 08/3/2005. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12/2024 anh Bùi Danh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay chưa về thăm nhà lần nào, cũng từ đó vợ chồng không liên lạc và cũng không quan tâm chia sẻ gì với nhau, nhiều lần chị có gọi điện anh L cũng từ chối không nghe mà chỉ liên hệ về gia đình thông qua mẹ đẻ anh L là bà Bạch Thị L. Khi làm đơn ly hôn chị V có gọi điện, nhắn tin cho anh L thông báo về việc chị làm đơn xin ly hôn đối với anh L và yêu cầu anh L cung cấp địa chỉ của anh tại Đài Loan nhưng anh L chỉ trả lời là đồng ý ly hôn nhưng không cung cấp địa chỉ cho chị. Do vậy, chị không thể cung cấp được cho Tòa án địa chỉ của anh Bùi Danh L ở Đài Loan. Trước khi đi lao động

tại Đài Loan, anh Bùi Danh L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm M, xã D, tỉnh Ph.

Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị không còn tình cảm và cũng không quan tâm gì đến nhau nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Danh L

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Minh Qu, sinh ngày 16/8/2005 và Bùi Xuân Tr, sinh ngày 18/8/2009, hiện cả hai con đang sống với chị V. Khi ly hôn chị V xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Bùi Xuân Tr và chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Bùi Minh Qu, sinh ngày 16/8/2005 đã trưởng thành (Trên 18 tuổi) thể chất phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Bùi Danh L:*

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác qua thân nhân của anh Bùi Danh L và thân nhân của anh Bùi Danh L cam đoan sẽ chuyển các văn bản đã nhận của Tòa án cho anh L, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Bùi Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh; ý kiến về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; ý kiến về tài sản chung, công nợ chung.

** Quá trình giải quyết vụ án:*

- Kết quả xác minh về thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Bùi Danh L: Tại công văn số: 529/QLXNC-Đ1 ngày 24/4/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Ph cung cấp thông tin: Công dân Bùi Danh L, sinh ngày 25/11/1986; số CCCD: 017086008745. Ngày 02/12/2024 sử dụng hộ chiếu số: E02045204 để xuất cảnh lần đầu qua Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

- Kết quả xác minh tại nơi cư trú của anh Bùi Danh L - Công an xã D, tỉnh Ph xác nhận: Anh Bùi Danh L, sinh ngày 25/11/1986; Số CCCD: 017086008745 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 17/12/2021 có Nơi ĐKKHKT tại: xóm M, xã D, tỉnh Ph. Có vợ là Bùi Thị V. Hiện anh Bùi Danh L đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2024 đến nay, không có mặt tại địa phương. Chị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2026, bà Bùi Thị Lãnh (mẹ đẻ của anh Bùi Danh L) cho biết: Anh Bùi Danh L và chị Bùi Thị V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M năm 2005. Từ tháng 12/2024 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về nước lần nào, vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại mang xã hội, gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan. Anh L và chị V có xảy ra mâu thuẫn, anh L có gọi điện về nói chuyện với gia đình việc vợ chồng không còn tình cảm nên chị V xin ly hôn. Bà Lãnh không có ý kiến gì vì việc này do các con tự quyết định.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị V giữ nguyên yêu cầu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết bổ sung vấn đề nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Ph phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục Tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã đảm bảo được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

+ *Áp dụng*: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272, Điều 273; Điều 464 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ *Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị V, xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Bùi Danh L; Về con chung*: Giao con Bùi Xuân Tr, sinh ngày 18/8/2009 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; chị V chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; *Đối với con chung là Bùi Minh Qu, sinh ngày 16/8/2005 đã trưởng thành (Trên 18 tuổi) thể chất phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết*; *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có nên không đề cập giải quyết; *Về án phí chị Bùi Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm*; *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng*: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn là anh Bùi Danh L hiện ĐKKHKT tại: thôn M, xã D, tỉnh Ph, hiện nay anh Bùi Danh L đang lao động tại Đài Loan. Chị V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Ph thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên do anh L hiện đang cư trú tại Đài Loan nên vắng mặt tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật TTDS. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung:* Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị V và anh Bùi Danh L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/3/2005, tại UBND xã M, huyện K, tỉnh H (Nay là UBND xã D, tỉnh Ph) là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống và cách cư xử, không có sự tôn trọng đối với nhau. Từ tháng 12/2024, anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống xa nhau và không có sự quan tâm gì đến nhau. Chị V xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn đối với anh Bùi Danh L.

Đối với anh Bùi Danh L: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh Bùi Danh L hợp lệ thông qua thân nhân của anh L, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Bùi Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh; ý kiến về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; ý kiến về tài sản chung, công nợ chung. Nên HĐXX căn cứ vào lời trình bày của chị Bùi Thị V và kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng tại nơi cư trú, nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị V là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị V, xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn anh Bùi Danh L, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị V và anh Bùi Danh L có 02 con chung là Bùi Minh Qu, sinh ngày 16/8/2005 và Bùi Xuân Tr, sinh ngày 18/8/2009. Chị V đề nghị sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Xuân Tr, sinh ngày 18/8/2009; chị V chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Đối với con chung là Bùi Minh Qu, sinh ngày 16/8/2005 đã trưởng thành (Trên 18 tuổi) thể chất phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản do Tòa án lấy lời khai của con chung ngày 20/4/2026, ý kiến của cháu Bùi Xuân Tr có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là Bùi Thị V. Hội đồng xét xử nhận thấy, để ổn định cuộc sống cũng như đảm bảo điều kiện phát triển của con, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Bùi Xuân Tr, cho chị Bùi Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Danh L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Đối với con chung là Bùi Minh Qu, sinh ngày 16/8/2005 đã trưởng thành (Trên 18 tuổi) thể chất phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Bùi Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272, Điều 273; Điều 464 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị V.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị V được ly hôn anh Bùi Danh L.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Bùi Xuân Tr, sinh ngày 18/8/2009 cho chị Bùi Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác của Tòa án; chị Bùi Thị V chưa yêu cầu anh Bùi Danh L cấp dưỡng nuôi con; anh Bùi Danh L có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở; chị Bùi Thị V và anh Bùi Danh L có quyền yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung là Bùi Minh Qu, sinh ngày 16/8/2005 đã trưởng thành (Trên 18 tuổi) thể chất phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

3. *Tài sản, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002864 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ph.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ph;
- VKSND tỉnh Ph;
- VKSND Khu vực 13 - Ph;
- Phòng THADS Khu vực 13, tỉnh Ph;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tư Duy

